

CV500シリーズとは

Dòng CV500 là gì?

PEDOT/PSS (Poly(3,4-EthyleneDiOxyThiophene)/Poly (4-StyreneSulfonate))が水に分散された導電性ポリマー素材です。

幅広い材料への導電性付与に貢献します。

PEDOT/PSS (Poly(3,4-EthyleneDiOxyThiophene)/Poly(4-StyreneSulfonate)) là

vật liệu polyme dẫn điện phân tán trong nước.

Vật liệu mực khác nhau có thể được cung cấp tính chất điện.



CV500シリーズの仕様

Thông số kỹ thuật dòng CV500

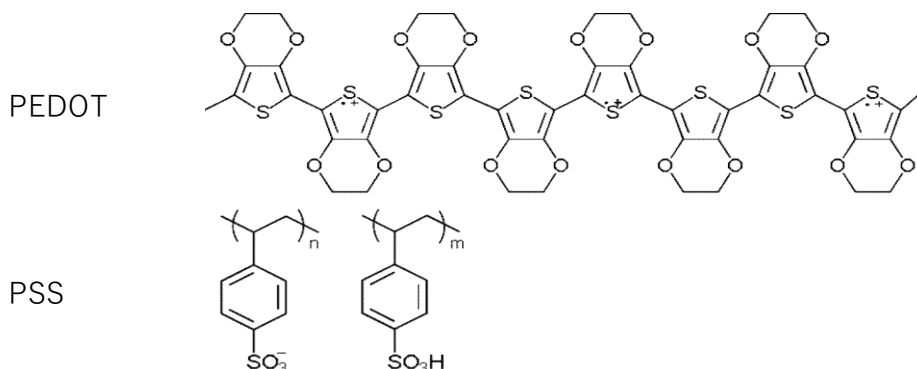
グレード Tên sản phẩm	固形分濃度 Nồng độ chất rắn	形状 hình thức	溶媒 dung môi	pH	粘度 độ nhớt	導電性*1 dẫn điện
CV500	1.3wt%	微粒子 hạt keo	水 nước	1.7~4	50~150mPa・s	450~650S/cm
CV501	1.3wt%	微粒子 hạt keo	水 nước	4~8	50~150mPa・s	450~650S/cm
CV502	2.0wt%	微粒子 hạt keo	水 nước	1.7~4	50~150mPa・s	450~650S/cm
CV503	2.0wt%	微粒子 hạt keo	水 nước	4~8	50~150mPa・s	450~650S/cm

各 giá trị số trong danh mục này không đảm bảo các tiêu chuẩn của sản phẩm, là các giá trị đại diện.

*15% ethylene glycol được thêm vào

PEDOT/PSSの構造

Cấu trúc của PEDOT/PSS



CV500シリーズの用途

Các ứng dụng của dòng CV500

- ・ コーティングを目的としたインク設計に幅広く適応可能です。
- ・ 各種高分子材料、1液系のコーティング材料等に適量混合することで導電性を付与できます。
- ・ グラビア印刷をはじめインクジェット印刷など低粘度インクからスクリーン印刷に至るまで幅広い粘度域で各社塗布方式に使用可能です。
 - ・ Thích ứng rộng rãi với thiết kế mực cho mục đích phủ.
 - ・ Độ dẫn điện có thể được truyền đạt bằng cách trộn một lượng thích hợp với các vật liệu polyme khác nhau, vật liệu phủ một chất lỏng, v.v.
 - ・ Nó có thể được sử dụng cho các phương pháp phủ khác nhau trong phạm vi độ nhớt rộng, từ mực có độ nhớt thấp như in ống đong đến in phun đến in lụa.

CV500シリーズの産業

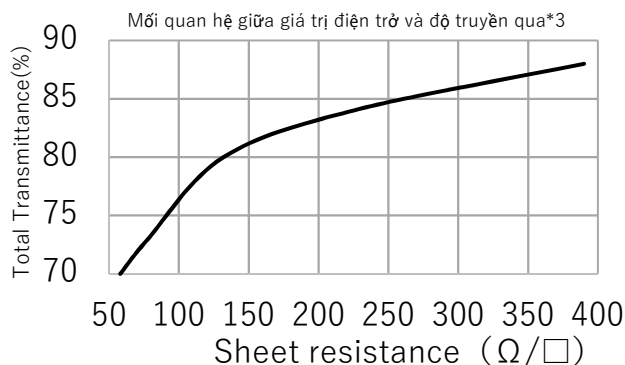
Các ứng dụng của dòng CV500

	帯電防止層 chống tĩnh điện	導電層 lớp dẫn điện	電磁波シールド lá chắn sóng điện từ	透明電極 điện cực trong suốt	正孔輸送層 lớp vận chuyển lỗ	生体センサ cảm biến sinh học	タッチセンサ cảm biến chạm	吸湿層 Hấp thụ độ ẩm	発熱層 lớp nhiệt
フィルムパッケージ gói phim	○	○	○	○					○
プリントエレクトロニクス in điện cực	○	○	○	○					○
テキスタイル dệt may	○	○		○		○	○		○
コンデンサ tụ điện	○		○	○	○				
空調 máy kiểm soát độ ẩm								○	○

CV500使用例*2

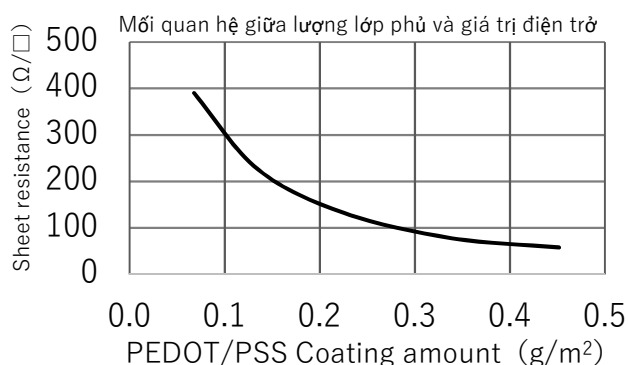
Ví dụ sử dụng CV500

抵抗値と透過率*3の関係



*3 Bao gồm 90% độ truyền qua của chất nền PET100 μm

塗布量と抵抗値の関係



*2 Đã thêm 5% ethylene glycol

各種溶媒との相性*3

Độ hòa tan với các dung môi khác nhau

水 nước	○	アセトン methyl methyl keton	△
メタノール Methanol	△	メチルエチルケトン MEK	×
エタノール Ethanol	△	ジメチルスルホキシド DMSO	△
イソプロパノール 2-propanol	△	N,N-ジメチルホルムアミド DMF	△
n-ブタノール n-Butanol	×	N-メチル-2-ピロリドン NMP	△
ブチルセロソルブ Butyl cellosolve	△	γ-ブチロラクトン γ-Butyrolactone	△
トルエン Toluene	×	酢酸エチル Ethyl acetate	×

○ : tương thích
△ : Tương thích nhỏ
× : gel hóa

*3 Độ hòa tan thay đổi tùy thuộc vào nồng độ của CV500. Vui lòng sử dụng nó sau khi khách hàng xác nhận.

問い合わせ先

thông tin liên lạc

製造者名 クレバ株式会社

東京都大田区本羽田二丁目12番1号 テクノWING410

Distributor Matsuo Sangyo Co.,Ltd

3-5-7, Hommachi, Chuo-ku, Osaka 541-0053 JAPAN

mail : admin@matsuo-sangyo.co.jp